笑顔になれる教習所

Xe Ô Tô Loại Thường

Khóa Học Ngoại Trú

一般通学ベトナムコース

(Những người có địa chỉ ở Shizuoka Shi, Fuji Shi , hoặc từ nhà có thể tự đến trường được .)

普通自動車 卒業生数 NO.1 清水区内１０年連続 (通学・合宿合計)

Áp dụng cho người nhập học trước 30/11/2024

Xe Ô Tô Loại Thường AT/MT

Khóa Học Ngoại Trú

普通自動車一般通学コース

(Chưa có bằng lái xe Nhật. Chỉ có bằng lái xe 50cc)

AT車 Xe Số Tự Động **225,000円** (Có Thuế 247,500円)

MT車 Xe Số Sàn **236,000円** (Có Thuế 259,600円)

※Ngoài Tiền Học Phí Sẽ Cần Đóng Thêm 2,850円 Tiền Cấp Bằng Lái Xe Tạm Thời karimen
※Khách hàng tự chi trả chi phí đi lại
※Chưa có hỗ trợ đồ ăn miễn phí

Có Nhân Viên Hỗ Trợ là Người Việt Nam. Cùng Sát Cánh Đến Lúc Nhận Được Bằng Lái

ベトナム人スタッフがサポート致します。一緒に頑張りましょう！

Đặt Câu Hỏi Tại Đây

Lựa chọn オプション

Sách giáo khoa tiếng Việt 3,300円(Có Thuế)
ベトナム語教科書オプション

Gói Cao Cấp Lịch Tự Chọn 22,000円(Có Thuế)
スケジュールオプション
Khoảng 3 tháng sẽ tốt nghiệp
(Chỉ đăng kí được trong khoảng các tháng 4.5.10.11.12)

Gói Bảo Hành Cho Phần Thi Thực Hành
技能保証オプション ※Bảo Hành Trong 270 Ngày

A Học Thêm Thực Hành 2 Lần + Thi lại 1 Lần 5,500円(Có Thuế)
B Học Thêm Thực Hành 5 Lần + Thi lại 2 Lần 11,000円(Có Thuế)

Có Thể Tự Học Lý Thuyết Qua Điện Thoại

Được Cho Phép Ở Nhà Học Lý Thuyết Mà Không Cần đến Trường Rất Tiết Kiệm Thời Gian Cho Những Ai Đang Đi Làm Hoặc Đang Đi Học

※Trừ Một Số Tiết Bắt Buộc Phải Đến Trường

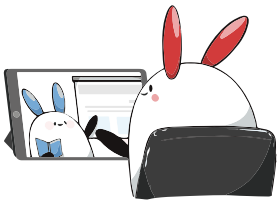

Thủ tục nhập học và Học phí , quý khách vui lòng hoàn tất trước lúc nhập học 2 ngày

笑顔になれる教習所 Friendship School 静岡県公安委員会指定

スルガ自動車学校

424-0204 Shizuoka ken shizuoka shi shimizu ku okistu naka chou 522-1

Đặt Câu Hỏi Tại Đây

0120-017-120

■Là khoản chi phí tối thiểu từ lúc nhập học tới lúc tốt nghiệp. Ngoài ra sẽ nạp thêm2,850 円 phí cấp bằng lái xe tạm thời karimen
Phí nhập học bao gồm tài liệu học tập, chụp ảnh bằng lái,bài kiểm tra năng lực lái xe, tài liệu học tập,bài kiểm tra năng lực học tập,bài thi kết thúc khóa học, phí thi tốt nghiệp, phí đường cao tốc, phí cấp bằng tốt nghiệp.

●Phí mất thêm 別途料金 1.Trượt thi lý thuyết bằng lái tạm thời karimen 1,700 円 2.Chi phí học lái thêm : Xe ô tô bình thường 4,000 円 (có thuế 4,400 円) .Xe 2 bánh cỡ lớn 4,500 円 (có thuế 4,950 円) .Xe 2 bánh 4,000 円 (có thuế 4,400 円) .Xe đặc biệt cỡ lớn 7,500 円 (có thuế 8,250 円) .3.Phí hủy lịch học thực hành : Khóa học ngoại trú 1,000 円 (có thuế 1,100 円). Khóa học ngoại trú ngắn hạn 4,000 円 (có thuế 4,400 円)
●Chi Phí Thêm 追加料金 1.Tiết thực hành（phí học thêm 1）: Xe ô tô bình thường 4,000 円 (có thuế 4,400 円) .Xe 2 bánh cỡ lớn 4,500 円 (có thuế 4,950 円) .Xe 2 bánh 4,000 円 (có thuế 4,400 円) .Xe đặc biệt cỡ lớn 7,500 円 (có thuế 8,250 円) .2.Tiết thực hành（phí học thêm 1）: Xe ô tô bình thường 4,000 円 (có thuế 4,400 円) .Xe 2 bánh cỡ lớn 4,500 円 (có thuế 4,950 円) .Xe 2 bánh 4,000 円 (có thuế 4,400 円) .Xe đặc biệt cỡ lớn 7,500 円 (có thuế 8,250 円) . 3.Phí thi lại: Xe ô tô bình thường 5,000 円 (có thuế 5,500 円) .Xe 2 bánh cỡ lớn 6,000 円 (có thuế 6,600 円) .Xe 2 bánh 5,000 円 (có thuế 5,500 円) .Xe đặc biệt cỡ lớn 6,000 円 (có thuế 6,600 円) .4.Phí đổi lịch học khóa ngoại trú ngắn hạn 5,000 円 (có thuế 5,500 円)
●Hướng dẫn thêm その他のご案内 1.Tùy lịch trình mà khách hàng có thể đổi lịch giữa chừng hoặc hết hạn khóa học thì những tiết học chưa tham gia sẽ được hoàn tiền lại.Tuy nhiên sẽ có những trường hợp sẽ không được hoàn lại tiền ※Phí hủy hợp đồng, chuyển trường 10,000 円（Có thuế 11,000 円）2.Hãy tham khảo gói bảo hành để an tâm không mất nhiều tiền trong trường hợp bị trượt.